

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020
của Cảng vụ ĐTND khu vực I**

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐTND KHU VỰC I

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 2496/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2019, Quyết định số 2531/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2019, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH :

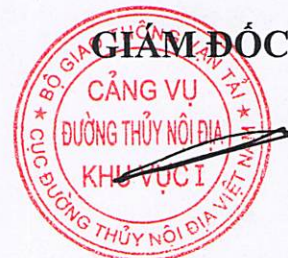
Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của Cảng vụ ĐTND khu vực I (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng Phòng, Ban và các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục ĐTND VN (để b/c);
- Lưu: TC, VT.



Văn Trọng Dũng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
 Đơn vị : Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I
 Chương : 021

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	20.116,262
1.1	Lệ phí	1.500,000
	Lệ phí ra vào Cảng bến	1.500,000
1.2	Phí	18.616,262
	Phí Cảng vụ Đường thủy nội địa	18.616,262
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	15.948,966
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế Đường thủy nội địa	15.948,966
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.948,966
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	4.167,295
3.1	Lệ phí	1.500,000
	Lệ phí ra vào Cảng bến	1.500,000
3.2	Phí	2.667,295
	Phí Cảng vụ Đường thủy nội địa	2.667,295
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.324,167
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

6	Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa	20.324,167
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.926,000
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.398,167
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

Ngày 10 tháng 01 năm 2020



Văn Trọng Dũng

Đơn vị: Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I

Chương: 021

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2019	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	14.700	20.412	139	
1.1	Lệ phí	1.408	1.587	113	103
	Lệ phí ra, vào	1.408	1.587	113	103
1.2	Phí	13.292	18.825	142	108
	Phí trọng tải				
	Phí Bảo đảm hàng hải				
	Phí kháng nghị hàng hải				
	Phí trình báo Đường thủy				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	11.962,8	16.942,3	142	108
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.962,8	16.942,3	142	108
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	2.737	3.469,5	127	106
3.1	Lệ phí	1.408	1.587,0	113	103
	Lệ phí ra, vào	1.408	1.587,0	113	103
3.2	Phí	1.329	1.883	142	108
	Phí trọng tải				
	Phí Bảo đảm hàng hải				
	Phí kháng nghị hàng hải				
	Phí trình báo Đường thủy				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa	17.321	22.292	129	90
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.036	21.015	131	95
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.285	1.277	99	50
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Ngày 15 tháng 01 năm 2020



Văn Trọng Dũng